**PHỤ LỤC II**

PHIẾU A - NHẬN DẠNG NHANH HỘ GIA ĐÌNH
*(Kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

**DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH THỰC HIỆN NHẬN DẠNG NHANH**

|  |  |
| --- | --- |
| Tỉnh/Thành phố: ……………….………..……….........Huyện/quận/thị xã/thành phố: ………………..……… | Tờ số ……/..…..Xã/phường/thị trấn: …………………………………………Thôn/tổ dân phố/buôn/bản/khóm/ấp: …………………..… |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên chủ hộ** | **Ngày rà soát** | **Nhận diện nhanh*(1. Hộ không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: đánh mã 0 và ngừng rà soát; 2. Hộ thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: đánh mã 1 và chuyển sang rà soát thông tin từ cột 1 đến cột 9 )*** | **Có xe máy/ xe điện/tàu/ ghe thuyền có động cơ có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên** | **Có điều hòa/ tủ lạnh/ máy sưởi** | **Có bình tắm nước nóng/ máy đun nước** | **Có máy giặt/ sấy quần áo** | **Có đất đai/ nhà xưởng/ tài sản/ máy móc cho thuê** | **Tiêu thụ điện sinh hoạt từ 150 KW/tháng trở lên** | **Diện tích nhà ở bình quân đầu người từ 25 m2 trở lên** | **Có ít nhất một người là công chức/ viên chức/ có lương hưu/ bảo hiểm xã hội/trợ cấp ưu đãi người có công hằng tháng** | **Có ít nhất một người đang làm việc có hợp đồng lao động trở lên** | **Tổng số chỉ tiêu từ cột 1 đến cột 9** | **Kết quả*(1. Hộ có từ 04 chỉ tiêu trở lên, đánh mã 0 và ngừng rà soát; 2. Hộ có dưới 04 chỉ tiêu, đánh mã 1 và đưa vào danh sách rà soát phiếu B)*** | **Chữ ký và xác nhận của hộ gia đình** |
| **(Cột 1 đến Cột 9: hỏi từng chỉ tiêu, nếu trả lời CÓ thì đánh mã 1, KHÔNG thì đánh mã 0)** |
| A | B | C | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | D | E | G |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **RÀ SOÁT VIÊN***(Ký, họ tên)* | Ngày ……… tháng ...… năm…………**ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ***(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Cột 0: Nhận diện nhanh hộ gia đình không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo nếu có một trong các điều kiện sau:**

1. Nhà ở biệt thự; cấp 1, cấp 2;

2. Hộ gia đình sở hữu doanh nghiệp, xưởng sản xuất, cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ thuê mướn từ 3 lao động trở lên; hộ kinh doanh có đăng ký và nộp thuế từ 100 triệu đồng trở lên;

3. Hộ gia đình sở hữu trang trại hoặc chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm, vật nuôi khác có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên;

4. Hộ có một trong các loại tài sản sử dụng trong sản xuất kinh doanh: ô tô, máy xúc, máy xay sát, máy tuốt lúa, máy cấy, máy gặt, máy cày, máy công nông, lồng cá và tài sản khác từ 200 triệu đồng trở lên;

5. Điều kiện khác (do Ban Chỉ đạo rà soát cấp tỉnh ban hành phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, mức sống dân cư trên địa bàn):

..................................................................................................................................................................................

..............................................................................................

*(ghi rõ điều kiện cụ thể theo văn bản quy định của địa phương )*